

NHTM Kỹ Thương (TCB)

Cho vay bán lẻ tăng tốc

- Tăng tốc giải ngân tín dụng bán lẻ trong 3Q24
- Nợ xấu tăng nhẹ nhưng vẫn trong tầm kiểm soát
- Tăng trưởng lợi nhuận không hấp dẫn trong 4Q24 do ghi nhận chi phí một lần

Thực tế: Giải ngân phân khúc cho vay bán lẻ tăng tốc

- LNTT 3Q24 tăng +23.5% n/n, đạt 7,214 tỷ đồng từ mức nền lợi nhuận thấp trong 3Q23, nhờ vào (1) tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ, (2) chi phí hoạt động được kiểm soát tốt (-5.5% n/n, tỷ lệ CIR ghi nhận 29% trong 3Q24 so với 35% trong 3Q23), và (3) trích lập chi phí dự phòng rủi ro vừa phải. LNTT 9T24 tăng +33.5% n/n, đạt 22,842 tỷ đồng, hoàn thành 84% kế hoạch năm 2024 và 74% dự phóng năm 2024 của KIS.
- Tăng trưởng tín dụng vẫn duy trì đà tăng mạnh mẽ, đạt +17.5% svdn trong 3Q24, cao hơn mức +9% svdn của ngành và mức +13.5% svdn của TCB trong 3Q23. TCB phân bổ tín dụng cho cả phân khúc doanh nghiệp và bán lẻ. Trong phân khúc bán lẻ ghi nhận tăng mạnh từ +13.1% svdn trong 2Q24 lên +20% svdn trong 3Q24. Trong đó, Phân cho vay thế chấp tăng từ +7.2% svdn trong 2Q24 lên +14% svdn trong 3Q24. Ngoài ra, phân khúc cho vay doanh nghiệp cũng tăng vọt từ +15.5% svdn trong 2Q24 lên +21.9% svdn trong 3Q24. Trong khi đó, trái phiếu doanh nghiệp trong 3Q24 giảm mạnh -22% svdn.
- NIM 3Q24 (biên lãi ròng) giảm xuống còn 4.29% (so với 4.73% trong 2Q24 và 4.39% trong 3Q23) do COF cao hơn trong bối cảnh lãi suất huy động tăng nhẹ và lợi suất tài sản thấp hơn. Hệ số CASA 3Q24 duy trì ở mức 36.5% (không bao gồm số dư được chuyển sang trạng thái Tự động kiểm lời), gần tương đương với mức 37.4% trong 2Q24. TCB duy trì chính sách giá linh hoạt để hỗ trợ khách hàng trong điều kiện thị trường bất lợi.
- Thu nhập phí ròng 3Q24 (theo phân loại của TCB) giảm -7.3% n/n do (1) hoạt động LC, tiền mặt và thanh toán giảm (-33% n/n) từ những thay đổi về quy định đối với hoạt động LC, (2) hoạt động ngoại hối (-4% n/n) và (3) dịch vụ thẻ (-9% n/n). Hoạt động tư vấn phát hành và phân phối trái phiếu doanh nghiệp đã dần được cải thiện nhưng không đáng kể, phí dịch vụ ngân hàng đầu tư (IB) 3Q24 tăng +23% n/n mặc dù giảm -28% q/q.
- Nợ xấu (nhóm 2-5) tăng nhẹ từ 2.05% trong 2Q24 lên 2.12% trong 3Q24 và nợ xấu (nhóm 3-5) tăng từ 1.23% trong 2Q24 lên 1.29% trong 3Q24 do nợ xấu của phân phức cho vay doanh nghiệp tăng từ 0.32% trong 2Q24 lên 0.48% trong 3Q24. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLCR) tiếp tục duy trì mức cao đạt 103% (so với 101% trong 2Q24).

Khuyến nghị **NĂM GIỮ**

Giá mục tiêu	27,400	Từ	24,200
Lợi nhuận	+13.2%		

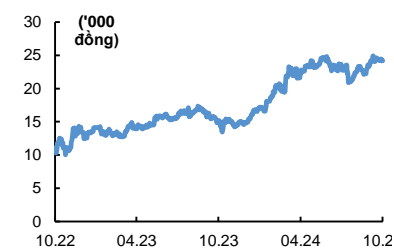
Thông kê

VNIndex (23/10, điểm)	1,271
Giá cp (23/10, đồng)	24,200
Vốn hóa (tỷ đồng)	170,490
SLCP lưu hành (triệu)	7,045
Cao/ Thấp 52 tuần (đồng)	24,900/13,432
GTGD TB 6T (tỷ đồng)	384
Tỷ lệ CP tự do/ Sở hữu NN (%)	68.2/21.9
Cổ đông lớn (%)	
Masan	14.9
Ho Hung Anh and gia đình	19.9

Biến động giá cổ phiếu

	1T	6T	12T
Tuyệt đối (%)	0.0	0.1	0.6
Tương đối với VNI (%p)	0.0	0.0	0.4

Xu hướng giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Phòng phân tích

researchdept@kisvn.vn

Ưu và nhược điểm: Tăng trưởng lợi nhuận không hấp dẫn trong 4Q24F do ghi nhận chi phí một lần từ việc chấm dứt quan hệ đối tác phân phối bảo hiểm

- Tăng trưởng tín dụng trong 4Q24F dự kiến sẽ giữ được đà tăng mạnh mẽ nhờ sự phục hồi của phân khúc bán lẻ, đặc biệt là phân khúc cho vay thế chấp khi thị trường bất động sản khởi sắc. Tỷ số CASA có thể duy trì ở mức cao để hỗ trợ hệ số NIM.
- Thu nhập ngoài lãi: Chúng tôi kỳ vọng các hoạt động IB liên quan đến phát hành và phân phối trái phiếu sẽ tiếp tục phục hồi trong điều kiện thị trường tốt hơn. Hoạt động bảo hiểm có thể giảm sau khi Manulife và Techcombank chấm dứt quan hệ đối tác phân phối bảo hiểm độc quyền, và TCB có thể ghi nhận chi phí chấm dứt hợp đồng trong 4Q24 khoảng 1.8 nghìn tỷ đồng.
- Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng sự kiện chấm dứt này chỉ tác động đến kết quả kinh doanh của TCB trong ngắn hạn. Với vị thế là một ngân hàng lớn trong ngành, TCB có thể lựa chọn những giải pháp thay thế tối ưu để khai thác tiềm năng to lớn của thị trường bảo hiểm.
- Nợ xấu: Chúng tôi tin rằng TCB có thể kiểm soát nợ xấu của mình, với mục tiêu dưới 1.4% trong bối cảnh thị trường tốt hơn. TCB cũng thuộc nhóm ngân hàng có tỷ lệ LLCR cao và có bộ phận dự phòng tốt để xử lý nợ xấu.

Khuyến nghị

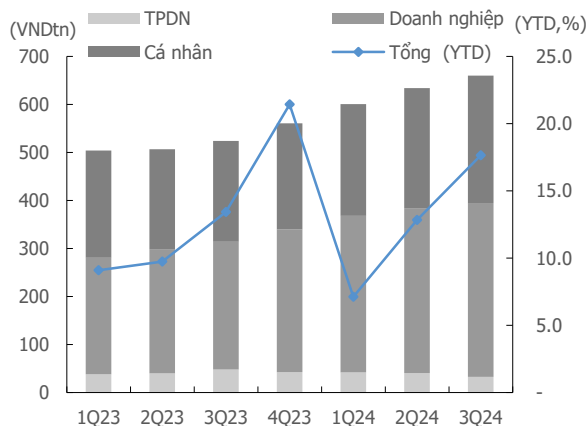
Dựa trên sự kiện chấm dứt hợp đồng bảo hiểm gần đây, chúng tôi ước tính LNTT năm 2024F có thể bị ảnh hưởng. Bỏ qua sự kiện này, chúng tôi tin rằng hoạt động kinh doanh cốt lõi của TCB đã phục hồi trong điều kiện thị trường tốt hơn, đặc biệt là hoạt động thị trường bất động sản và thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã bắt đầu khởi sắc. Chúng tôi duy trì giá mục tiêu là 27,400 đồng (giữa năm 2025) với tiềm năng tăng giá +13%.

Bảng 1. Xu hướng và triển vọng thu nhập

	2023				2024			2023	2024F	2Q24	
	1Q	2Q	3Q	4Q	1Q	2Q	3Q			q/q	n/n
Cho vay khách hàng và TPDN	503,219	506,334	523,897	561,150	601,231	633,445	659,503	561,150	669,648	4.1	25.9
% tăng trưởng (svdn)	9.0	9.7	13.5	21.6	7.1	12.9	17.5	21.6	19.3	-	-
Cho vay khách hàng	465,425	466,546	475,606	518,642	559,277	592,083	626,291	518,642	622,889	5.8	31.7
NPL (Nợ nhóm 3-5)	3,946	5,002	6,467	5,999	6,317	7,287	8,084	5,999	6,329	10.9	25.0
NPL ratio (% , điểm %)	0.8	1.1	1.4	1.2	1.1	1.2	1.3	1.2	1.0	0.1	(0.1)
NPL (Nợ nhóm 2-5)	12,901	14,156	12,443	10,438	12,405	12,142	13,246	10,438	11,624	9.1	6.5
NPL ratio (% , %p)	2.8	3.0	2.6	2.0	2.2	2.1	2.1	2.0	1.9	0.1	(0.5)
Dự phòng cho vay (% , %điểm)	134	116	93	102	106	101	103	102	136	2.4	10.5
VAMC	0	0	0	0	0	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi khách hàng và trái phiếu	434,027	436,904	470,870	539,364	551,817	593,846	621,015	539,364	632,192	4.6	31.9
Tiền gửi khách hàng	387,298	381,947	409,045	454,661	458,041	481,860	494,954	454,661	549,732	2.7	21.0
% tăng trưởng (svdn)	-	(1.4)	5.6	17.4	-	5.2	8.9	17.4	9.2	-	3.2
CASA (%)	32.0	34.9	33.6	39.9	40.5	37.4	36.5	39.9	42.9	(0.8)	2.9
Tổng tài sản	723,518	732,470	781,279	849,482	885,653	908,307	927,053	849,482	972,727	2.1	18.7
Tổng chủ sở hữu	119,135	123,683	128,404	132,945	139,246	139,934	145,805	132,945	155,170	4.2	13.6
Tổng thu nhập hoạt động	9,300	9,325	10,418	11,017	12,262	13,420	11,754	40,061	52,055	(12.4)	12.8
Thu nhập lãi ròng	6,527	6,295	7,272	7,597	8,500	9,478	8,929	27,691	36,583	(5.8)	22.8
NIM (% , điểm %)	4.21	3.95	4.39	4.24	4.42	4.73	4.29	4.1	4.5	(0.4)	(0.1)
Thu nhập ngoài lãi	2,773	3,030	3,146	3,420	3,762	3,942	2,826	12,370	15,472	(28.3)	(10.2)
Thu nhập phí ròng	1,715	2,008	2,379	2,808	2,716	2,873	2,008	8,911	11,349	(30.1)	(15.6)
Lãi từ chứng khoán đầu tư	1	83	638	303	1,050	808	395	1,025	1,166	(51.1)	(38.0)
Thu nhập ngoài lãi khác	1,057	939	129	309	-3	261	423	2,434	2,957	62.1	227.0
Dự phòng rủi ro tín dụng	535	807	945	1,634	1,211	1,644	1,109	3,921	4,114	(32.5)	17.4
Thu nhập hoạt động ròng	8,765	8,518	9,474	9,383	11,051	11,775	10,645	36,140	47,941	(9.6)	12.4
SG&A	3,142	2,869	3,631	3,610	3,249	3,949	3,431	13,252	17,178	(13.1)	(5.5)
CIR (%)	33.8	30.8	34.8	32.8	26.5	29.4	29.2	33	33	(0.2)	(5.7)
Lợi nhuận trước dự phòng	6,158	6,456	6,788	7,407	9,013	9,471	8,323	26,809	34,877	(12.1)	22.6
Lợi nhuận trước thuế	5,623	5,649	5,843	5,773	7,802	7,827	7,214	22,888	30,763	(7.8)	23.5
Lợi nhuận ròng	4,537	4,503	4,669	4,482	6,277	6,270	5,793	18,191	24,449	(7.6)	24.1
Lợi nhuận cổ đông kiểm soát	4,497	4,455	4,613	4,439	6,221	6,193	5,738	18,004	24,198	(7.4)	24.4

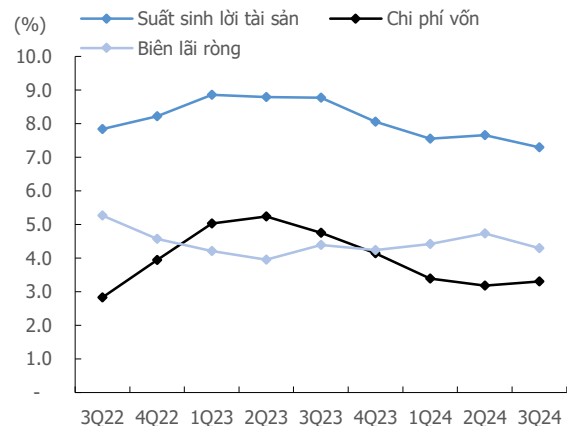
Nguồn: Fiinpro, TCB, KISVN

Biểu đồ 1. Tăng trưởng tín dụng



Nguồn: TCB, KISVN

Biểu đồ 2. NIM và COF



Nguồn: TCB, KISVN

■ Tổng quan công ty

TCB là ngân hàng tư nhân hàng đầu Việt Nam, điều hành 300 chi nhánh và phòng giao dịch. TCB nắm giữ top 1 tín dụng bất động sản và thị phần môi giới trái phiếu top 1 ngành. TCB có ba công ty con bao gồm Techcom Securities, Techcom Capital và Techcombank Asset Management. Cùng với các lĩnh vực trọng tâm bao gồm Bất động sản, Xây dựng, Vật liệu, Hàng tiêu dùng nhanh, Tiện ích và dịch vụ tài chính. Bên cạnh đó, TCB nâng cao quy mô thông qua trải nghiệm kỹ thuật số mạnh mẽ trong hệ sinh thái WINLife “tất cả trong một”.

Cân đối kế toán

(tỷ đồng)

	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Tổng TS	569,576	700,161	850,799	972,727	1,147,196
Tổng TS sinh lãi	525,475	618,882	758,611	874,115	1,044,220
Cho vay và TPDN	410,150	461,539	561,150	669,648	802,016
Hộ gia đình				263,841	353,087
Doanh nghiệp				405,807	448,930
Tiền gửi và cho vay TCTD	88,554	103,156	141,194	139,612	167,088
Tiền gửi NHNN và TPCP	26,771	54,187	56,267	64,854	75,116
Trái phiếu VAMC	-	-	-	-	-
Tổng TS không sinh lãi	49,228	87,332	99,473	109,535	116,578
Khác	5,127	6,052	7,285	10,923	13,602
Tổng nợ phải trả	475,687	585,608	717,854	817,557	965,137
Tiền gửi của khách hàng	314,753	358,404	454,661	549,732	667,959
Trái phiếu	33,680	34,007	84,703	82,460	100,194
Tiền gửi và vay của TCTD	112,459	167,563	153,173	160,832	168,873
Tiền vay của CP và NHNN	1	8	0	-	-
Phải trả khác	14,796	25,626	25,317	24,534	28,111
Tổng VCSH	93,888	114,554	132,945	155,170	182,059
VCSH	93,041	113,425	131,628	153,853	180,742
Vốn điều lệ	35,109	35,172	35,225	35,225	35,225
Thặng dư VCSH	476	476	476	476	476
Quý khác	9,156	11,609	45,726	48,426	52,056
LN giữ lại	48,300	66,168	50,201	69,725	92,985
Thu nhập toàn diện khác	-	-	-	-	-
Cổ đông thiểu số	847	1,129	1,317	1,317	1,317

Kết quả kinh doanh

(tỷ đồng)

	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Tổng thu nhập hoạt động	37,076	40,902	40,061	52,055	65,262
Thu nhập lãi thuần	26,699	30,290	27,691	36,583	46,391
Thu nhập lãi	35,503	44,753	56,708	59,803	78,262
Chi phí lãi	8,805	14,463	29,017	23,220	31,871
Thu nhập ngoài lãi	10,378	10,612	12,370	15,472	18,870
Thu phí và hoa hồng dịch vụ	6,614	8,252	8,911	11,349	13,927
Lãi từ đầu tư tài chính	1,961	192	1,025	1,166	1,262
Khác	1,803	2,167	2,434	2,957	3,681
Dự phòng rủi ro tín dụng	2,665	1,936	3,921	4,114	4,611
Thu nhập hoạt động ròng	34,412	38,966	36,140	47,941	60,651
Chi phí quản lý và bán hàng	11,173	13,398	13,252	17,178	19,578
Chi phí nhân viên	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a
Lợi nhuận trước DPTD	25,903	27,504	26,809	34,877	45,683
LNTT	23,238	25,568	22,888	30,763	41,072
Thuế	4,823	5,131	4,697	6,313	8,429
Thuế suất hiệu dụng (%)	20.8	20.1	20.5	20.5	20.5
Lãi từ hoạt động chính	18,209	20,317	17,998	24,166	32,165
Hoàn nhập nợ đã trích lập	206	119	193	283	478
LN ròng	18,415	20,436	18,191	24,449	32,643
LN dành cho NH mẹ	18,052	20,150	18,004	24,198	32,307

Chỉ số tài chính

	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Sinh lợi và hiệu quả (%)					
ROE	21.5	19.5	14.7	17.0	19.3
ROA	3.6	3.2	2.3	2.7	3.1
NIM	5.8	5.4	4.1	4.5	4.9
Lãi TB trên tài sản	7.7	7.9	8.4	7.4	8.3
Chi phí vốn	2.2	2.8	4.6	3.1	3.7
Tỷ lệ chi phí / thu nhập	30.1	32.8	33.1	33.0	30.0
Chi phí tín dụng	0.7	0.4	0.8	0.7	0.6
Tăng trưởng (%)					
LN dành cho NH mẹ	46.5	11.6	(10.7)	34.4	33.5
LNTDPTD	40.7	6.2	(2.5)	30.1	31.0
Tăng trưởng tín dụng	26.5	12.5	21.6	19.3	19.8
Tổng TS	29.4	22.9	21.5	14.3	17.9
Chất lượng TS (%)					
Tỷ lệ nợ xấu	0.7	0.7	1.2	1.0	0.9
Tỷ lệ dự trữ lỗ tín dụng	162.9	157.3	102.1	135.8	171.5
Tỷ lệ cho vay / huy động	90.7	94.6	89.2	92.4	92.7
Tỷ lệ an toàn vốn (%)					
Hệ số an toàn vốn (CAR)	15.0	15.2	14.4	12.5	13.0
Tỷ lệ vốn lõi cấp 1 (CET1)	19.7	19.3	14.3	15.8	16.4
Tỷ lệ vốn cấp 1	21.5	19.5	14.7	17.0	19.3

Định giá

	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Chỉ số trên mỗi cp (đồng, điều chỉnh)					
BPS	13,250	16,124	18,684	21,839	25,655
EPS	2,557	2,850	2,541	3,421	4,567
Cổ tức	-	-	-	750	-
Định giá (x)					
PB	1.8	1.5	1.3	1.1	0.9
PE	9.5	8.5	9.5	7.1	5.3
P/PPE	6.6	6.2	6.4	4.9	3.7
Suất sinh lợi cổ tức (%)	-	-	-	3.1	-
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	-	-	-	21.9	-
Phân tích ROE (%)					
ROE	21.5	19.5	14.7	17.0	19.3
Đòn bẩy (x)	6.1	6.1	6.4	6.3	6.3
TS sinh lãi / Tổng TS	91.4	87.6	88.4	88.9	90.0
LN ròng / TS sinh lãi	3.4	3.3	2.4	2.8	3.1
Thu nhập lãi thuần / TS sinh lãi	5.1	4.9	3.7	4.2	4.4
Thu nhập ngoài lãi / TS sinh lãi	2.0	1.7	1.6	1.8	1.8
Chi phí tín dụng / TS sinh lãi	0.5	0.3	0.5	0.5	0.4
Chi phí QL&BH / TS sinh lãi	2.1	2.2	1.7	2.0	1.9

■ **Nguyên tắc đánh giá của KIS Vietnam Securities Corp. với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- KIS Vietnam Securities Corp. không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

■ **Nguyên tắc đánh giá của KIS Vietnam Securities Corp. với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

■ **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

■ **Thông tin công khai quan trọng**

Ở thời điểm cuối tháng liền trước của ngày phát hành báo cáo (hoặc cuối tháng thứ 2 liền trước nếu ngày phát hành báo cáo sau ngày cuối tháng liền trước ít hơn 10 ngày), KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không nắm giữ 1% hoặc nhiều hơn cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo.

Không có mâu thuẫn lợi ích quan trọng nào giữa chuyên viên phân tích, KIS Vietnam Securities Corp. và các bên liên quan tại thời điểm phát hành báo cáo.

KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không quản lý hoặc đồng quản lý việc phát hành ra công chúng cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo trong vòng 12 tháng qua.

KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không nhận được khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong 12 tháng qua; KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không kỳ vọng hoặc tìm kiếm các khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong ba tháng tới.

KIS Vietnam Securities Corp. hoặc cá bên liên quan không tạo lập thị trường cho cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại thời điểm phát hành báo cáo.

KIS Vietnam Securities Corp. không nắm hơn 1% cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 23/10/2024.

KIS Vietnam Securities Corp. đã không cung cấp trước báo cáo này cho các bên thứ ba khác.

Cả chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này và người liên quan không sở hữu cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 23/10/2024.

Người thực hiện: Phòng phân tích

Prepared by: Phòng phân tích

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2024 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..